

THƯƠNG VỢ

(1 tiết)

TRẦN TẾ XƯƠNG

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Cảm nhận được, qua hình ảnh bà Tú chịu thương chịu khó vì chồng con, ân tình sâu nặng và lòng cảm phục chân thành của tác giả đối với người vợ của mình.

– Thấy được tài tả người, gợi cảnh giản dị mà sắc sảo, tài hoa và việc sử dụng từ ngữ hết sức chính xác, tinh tế của nhà thơ, đã dựng nên được hình ảnh bà Tú, một người vợ điển hình của truyền thống Việt Nam.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Trong xã hội Việt Nam thời phong kiến, câu chuyện vợ tần tảo nuôi chồng ăn học rất quen thuộc, từng được phản ánh trong văn chương nghệ thuật :

*Sáng trăng trải chiếu hai hàng,
Cho anh đọc sách, cho nàng quay tơ.*

(Ca dao)

Truyện Nôm có *Tống Trân – Cúc Hoa*, sân khấu chèo thì có *Lưu Bình – Dương Lễ*,...

Nhưng anh học trò Trần Tế Xương đi học, đi thi vào cái thời Tây xâm chiếm nước ta, đạo đức suy vong, chữ thánh hiền đã xuống giá, thân phận nhà nho dù có đỗ đạt ông nghề, ông cử thì cũng chẳng còn có được danh giá như xưa, thậm chí còn phải chịu cái nhục của thân phận trí thức nô lệ :

*Trên ghế bà đầm ngoi đít vịt,
Dưới sân ông cử ngồng đầu rồng.*

Ấy thế mà Trần Tế Xương vẫn phải đi thi, tuy rằng thi mãi cũng chỉ đỗ tú tài. Dẫu biết "Nào có ra gì cái chữ nho - Ông nghề, ông cống cũng nằm co" và tổ chức thi cử không còn trang nghiêm nữa (*Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu*), nhưng ông còn biết con đường nào khác ?

Trong khi đó thì bà Tú cứ phải bươn chải, lăn lộn nơi chợ búa, bến sông để nuôi chồng, nuôi con.

Cho nên, trong bài *Thương vợ*, tâm sự của Tú Xương không chỉ là thương bà Tú vất vả và thấy mình vô tích sự, mà còn nặng nỗi u buồn đau uất, vừa giận mình, vừa bực bội với đời. Ông Tú không chỉ tự thấy vô tích sự với vợ con mà còn thấy mình vô tích sự với đời, với đất nước :

*– Trời không chớp bể với mưa nguồn,
Đêm nào đêm nao tớ cũng buồn.*

(Đêm hè)

*– Muốn mù trời chẳng cho mù nhỉ,
Giương mắt trông chi buổi bạc tình !*

(Đau mắt)

Cần thấy tâm sự Tú Xương là thế và đó là nền tảng trữ tình sâu sắc của nhà thơ lớn thành Nam. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Khuyển đã đánh giá rất cao thơ ông Tú :

*Kìa ai chín suôi xương không nát,
Át hẳn nghìn thu tiếng vẫn còn.*

b) Chỉ bằng vài nét đơn sơ với những từ ngữ hết sức bình dị, Tú Xương đã khiến người đọc hình dung được cảnh bà Tú một mình mang gánh nặng gia đình, lặn lội nơi đầu sông, bến chợ. Chú ý từ : "quan năm" nghĩa là triển miên, suốt bốn mùa không được nghỉ. Đây là nói thời gian. Còn không gian là một "mom sông" – một thềm đất cheo leo nhô ra mặt nước. Ở cái mũi đất chênh vênh ấy, hình ảnh bà Tú dường như càng nhỏ bé và cô đơn hơn, gợi hình ảnh người đàn bà một mình xông pha nơi đầu sông ngọn nguồn, vất vả, tội nghiệp. Đến câu thứ ba, hình ảnh bà Tú một mình thui thủi càng được vẽ cụ thể hơn : "Lặn lội thân cò khi quãng vắng". Hình ảnh con cò trong ca dao, dân ca được đưa vào thật đúng chỗ : "Con cò lặn lội bờ sông", "Cái cò lặn lội bờ ao", "Cái cò mà đi ăn đêm", "Nước non lặn lội một mình - Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay", v.v. Đó là hình ảnh của người đàn bà nghèo khổ, lam lũ, lặn lội đêm hôm để kiếm ăn và nuôi con ("Cái cò là cái cò con - Mẹ đi xúc tép để con ở nhà..."), "Lặn lội thân cò khi quãng vắng", "Thân cò lặn lội" lại đặt trong khung cảnh "quãng vắng" càng tô đậm hình ảnh thui thủi một mình của bà Tú – một mình bươn chải, một mình gánh hết ! Có chồng mà làm gì cũng chỉ có một mình ! Đúng là có một ông chồng vô tích sự ! "Lặn lội thân cò khi quãng vắng - Eo sèo mặt nước buổi đò đông" – hai câu thực đối nhau chan chát. Nhưng cả hai đều cùng gợi ra nỗi vất vả của bà Tú : một mình nơi quãng vắng đã khổ, mà bon chen nơi chợ búa, bến sông đông đúc còn cực hơn. Cực khổ và nguy hiểm nữa : "Con ơi, nhớ lấy câu này - Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ qua". Ông cha ta bao đời nay đã khuyên con như thế. Nhưng cực khổ, vất vả đâu chỉ là chuyện xô đẩy, chen chúc nhau. Còn có chuyện "eo sèo" nữa chứ. "Eo sèo" là cãi vã để tranh hàng, giành khách nhau. Trong bài *Văn tế sống vợ*, ông Tú một lần nữa gợi đến cái cực này của bà Tú : "Đầu sông, bãi bến, đua tài buôn chín bán mười",...

Vẽ ra hình ảnh bà Tú càng đáng thương, đáng quý, đáng nể trọng bao nhiêu, thì nhà thơ càng tự họa hình ảnh của mình tâm thường và vô tích sự bấy nhiêu. Một nụ cười mỉa mai tự trào đã gài kín ở câu thứ hai : "Nuôi đủ năm con với một chồng". Nhà thơ Xuân Diệu đã bình rất hay về câu thơ đếm con đếm chồng này của Tú Xương : "Thì ra chồng cũng là một thứ con còn dại, phải nuôi. Đếm con, năm con, chứ ai lại đếm chồng, một chồng – tại vì phải nuôi như nuôi con cho nên mới liệt ngang hàng mà đếm để nuôi đủ"⁽¹⁾.

(1) *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, NXB Văn học, H., 1982, tr. 233.

c) Hai câu thực (3 – 4) là hình ảnh bà Tú trong quan hệ với đời. Hai câu luận (5 – 6) là hình ảnh bà Tú trong quan hệ với chồng con (đối ngoại và đối nội).

"Một duyên hai nợ âu đành phận" – Đây là ông Tú đặt giùm cho bà Tú một lời độc thoại nội tâm như thế : "Một duyên hai nợ", chồng với con ! Đúng là hai cái nợ đời, hai cái của nợ ! Nhưng thôi, một cái chép miệng : "âu đành phận", phận mình nó thế, đành phải chịu thôi... ! Không ! Ông Tú cố ý tự hạ giá mình và vì quá thương vợ nên viết ra thế thôi, chứ bà Tú chắc không nghĩ vậy. Ông tự thấy là "bạc", chứ bà Tú chắc rất thương ông : học hành giỏi giang mà thi cứ trượt, cứ hỏng hoài,... Nhưng "Năm nắng mười mưa dám quản công" thì hẳn là ông Tú nói đúng tấm lòng của vợ.

Vậy là chỉ bốn câu thơ mà chân dung bà Tú hiện lên hoàn chỉnh : từ quan hệ lân cận với đời, đến quan hệ với gia đình, từ con người của công việc làm ăn, đảm đang tháo vát, chịu thương chịu khó, đến con người của đức độ, thảo hiền, đầy tinh thần vị tha, xả kỷ,... Và bà Tú trở thành điển hình của người vợ trong truyền thống Việt Nam.

d) Câu kết là một lời chửi, chửi đời, chửi đồng. Không phải lần này ông Tú mới chửi như thế. Trong bài *Gặp người ăn xin*, ông cũng đã từng chửi – chửi mình mà thực ra là chửi đời : "Người đói, ta đây cũng chẳng no - Cha thằng nào có, tiếc không cho". Chỉ có chỗ khác là, lần này, lời chửi tuy có ném thẳng vào đời, nhưng trước hết là ném vào mình. Để tự trách mình thì ông phải chửi. Mà ông phải đặt vào miệng bà Tú mà xỉ vả mình thì mới đích đáng chứ ! Nhưng bà Tú vốn "con gái nhà dòng", đời nào lại chanh chua thô tục như thế, nhất là lại chửi chồng ! Nhưng đối với ông Tú thì tự trách mình như thế là chân thật. Thì cả bài thơ ông viết ra chẳng phải chỉ cốt để bày tỏ tâm sự ấy hay sao : thương yêu, quý trọng bà Tú và tự trách mình là tầm thường, vô tích sự, là đồ bỏ,...

Tuy nhiên, có điều này ông đã nói oan cho mình : đó là hai chữ "hờ hững". Vì giận mình mà ông nói thế thôi. Thực lòng ông đâu có thờ hững với bà. Nếu ông thờ hững thì đã không có bài *Thương vợ* này. Vả lại, hình ảnh bà Tú vất vả vì chồng con đâu chỉ ở bài *Thương vợ*. Ta có thể tìm thấy thấp thoáng hình ảnh ấy trong hàng loạt bài thơ của ông Tú : "No ấm chưa qua vành mẹ đi" (*Hỏi mình*), "Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ" (*Làm quan tại nhà*), "Hỏi vợ, vợ còn đi chạy gạo" (*Đau mắt*), v.v. Nhưng tập trung hơn cả là trong bài *Văn tế sống vợ*, ông chỉ đùa bà một chút cho vui đấy thôi. Nhưng thực sự có nước mắt, có nhiều nước mắt ở trong đó :

Mình bỏ mình đi,
 Mình không chịu ở,
 Chẳng nói chẳng rằng ;
 Không than không thở...
 [...] Thôi thôi !
 Chết quách yên mồ ;
 Sống càng nặng nợ.
 Chữ nhất phẩm ơn vua vinh tước, ngày khác sẽ hay ;
 Duyên trăm năm ông nguyệt xe dây, kiếp này đã lỡ.
 Mình đi tu cho thành tiên thành Phật, để rong chơi Lãng uyển, Bồng hồ ;
 Tổ nuôi con cho có rể có dâu, để trọn vẹn đạo chồng nghĩa vợ.

đ) Xuân Diệu gọi Hồ Xuân Hương là "Bà chúa thơ Nôm". Nguyễn Tuân thì gọi Tú Xương là "Ông hoàng thơ Nôm". *Thương vợ* là một trong những bài thơ thể hiện rất rõ tài thơ Nôm của "Ông hoàng" Tú Xương.

"Mom sông", "Lặn lội thân cò khi quãng vắng - Eo sèo mặt nước buổi đò đông", chữ dùng chính xác đến mức không thể thay thế bằng ngôn từ nào khác. Mà toàn là những từ ngữ nôm na rất đời thường trong đời sống thường ngày của nhân dân.

Thương vợ là một bài thơ Đường luật, kết cấu chặt chẽ, câu thực, câu luận đối nhau chan chát. Vậy mà đọc lên không cảm thấy là thơ luật. Lời thơ cứ như lời nói thường, tự nhiên như không. Những câu thực, câu luận dường như tiếp nối nhau trong một mạch, liền một hơi, không ai nghĩ đến chuyện đối từ, đối ý, đối thanh bằng bằng trắc trắc,... Nghệ thuật như vậy là đã đạt đến chỗ tinh vi, nhuần nhuyễn, thật sự trở thành sự sống.

2. Về phương pháp

– Trọng tâm : chỉ bằng vài nét đơn sơ với những từ ngữ nôm na bình dị, nhà thơ đã vẽ nên hình tượng bà Tú, người vợ tiêu biểu của truyền thống Việt Nam ; tình cảm chân thành đối với bà Tú và tiếng cười tự trào thể hiện ý thức trách nhiệm của nhà thơ đối với gia đình và với thời thế.

– Gợi ý HS đi từ sự phân tích từ ngữ, giọng điệu các câu thơ đến tìm hiểu tư tưởng của nhà thơ.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

– Giới thiệu tác giả và đề tài bà Tú trong thơ Tú Xương. GV đặt câu hỏi, HS đọc phần *Tiểu dẫn* ở SGK và trả lời. GV bổ sung và nhấn mạnh những điểm quan trọng nhất theo điểm a, mục 1, phần *Những điểm cần lưu ý* trong SGK.

2. Phần nội dung chính

Câu hỏi 1. HS trả lời câu hỏi, GV bổ sung theo điểm a, mục 2, phần *Những điểm cần lưu ý* trong SGK. Cần đặt những câu hỏi cụ thể về ý nghĩa và giá trị biểu cảm của các từ *mom sông, lặn lội thân cò, eo sèo,...* Chú ý gợi trí tưởng tượng của HS để hình dung được hình ảnh cụ thể của bà Tú nơi mom sông, quăng vắng, nơi chợ búa, đò đông,...

Câu hỏi 2. Gợi ý HS trả lời theo điểm b, mục 1, phần *Những điểm cần lưu ý* trong SGK.

Câu hỏi 3. Gợi ý trả lời theo điểm c, mục 1, phần *Những điểm cần lưu ý* trong SGK. Chú ý đặt câu hỏi cho HS : Hai câu 5 – 6 là lời độc thoại nội tâm của ai ? Nhưng thực chất là lời của ai gán cho bà Tú ? Phân tích tâm sự Tú Xương qua hai câu thơ này : tấm lòng của ông đối với vợ và ý nghĩ đối với bản thân ?

Câu hỏi 4. Gợi ý HS trả lời theo điểm d, mục 1, phần *Những điểm cần lưu ý* trong SGK : Ai chửi ? Bà Tú hay ông Tú ? Chửi ai ? Ý nghĩa của lời chửi ? Phân tích tâm sự Tú Xương khi dùng chữ "hờ hững" ?

Câu hỏi 5. HS trả lời, GV bổ sung. Chú ý liên hệ đến hình ảnh bà Tú trong nhiều bài thơ, đặc biệt trong bài *Văn tế sống vợ* của Tú Xương và kết luận về tính điển hình của hình tượng bà Tú trong bài *Thương vợ*.

3. Phần củng cố

– Chỉ với vài nét phác thảo, tác giả đã sáng tạo được hình tượng hoàn chỉnh của một bà vợ đảm đang, tháo vát, giàu đức hi sinh, một điển hình rất đẹp của người vợ trong truyền thống Việt Nam.

– Tình cảm chân thật, sâu nặng của tác giả đối với vợ. Thơ có giọng tự trào, mà chứa đựng nước mắt của tình thương.

– Một đỉnh cao của nghệ thuật thơ Nôm Đường luật. Một thể thơ ngoại nhập được Việt hoá hoàn toàn.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Xuân Diệu, *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, Sđd. Đọc chương IV : *Trần Tế Xương*.

– *Trần Tế Xương – Về tác gia và tác phẩm*, Vũ Văn Sĩ – Đinh Minh Hằng – Nguyễn Hữu Sơn tuyển chọn và giới thiệu, NXB Giáo dục, 2001.